TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2019
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1969 (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lâm Hoàng N, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Trần Thị L trình bày*: Bà và Ông Lâm Hoàng N được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do Ông N không quan tâm đến gia đình, muốn đi đâu thì đi mà không nói với bà và không lo làm ăn, mặc dù bà khuyên can nhiều lần nhưng Ông N không thay đổi, nên bà với Ông N đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay bà xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông N, về con chung bà với Ông N có 02 người con chung tên Lâm Hoài Sơn, sinh năm 1991 và Lâm Hoài Phương, sinh năm 1996, hiện các người con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Ông Lâm Hoàng N, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải và xét xử nhưng Ông N vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Lâm Hoàng N là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Ông N vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ông N.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và Ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và Ông N không được pháp luật bảo vệ. Xét thấy hôn nhân giữa bà L với Ông N có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân vi phạm về mặt hình thức nên bà L với Ông N không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do 02 người con chung tên Lâm Hoài S và Lâm Hoài P đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, Ông N không có ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm bà L phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

** Tuyên xử:*

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa Bà Trần Thị L với Ông Lâm Hoàng N.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004060, ngày 04 tháng

12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, Bà Trần Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Hoài Hận